.TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H.M** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2023.
Về tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN H.M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Sơn Hóa

2. Bà Bùi Thị Bích Vân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H.M, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2023 về *"tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXX - ST ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà C.T.H.L, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số 24, ngõ 420/52, đường K.G, phường Đại Kim, quận H.M, Thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 001177000235 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/4/2021. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Ông N.N.H, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Số 24, ngõ 420/52, đường K.G, phường Đại Kim, quận H.M, Thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 036074030754 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/9/2021. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà C.T.H.L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N.N.H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đại Kim, quận H.M, Thành phố Hà Nội vào ngày 28 tháng 6 năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng nhau; ông H thường xuyên đi vắng nhà không nói rõ lý do. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ năm 2020 đến nay ông bà chính thức sống ly thân. Bây giờ, bà không còn quan tâm đến ông H nữa. Bà khẳng định cuộc sống chung với ông H không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H để cả hai cùng ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà và ông N.N.H có 02 con chung là Nguyễn Thảo Tr, sinh ngày 05/01/2001 (nữ) và Nguyễn Thiện T (nam), sinh ngày 14/01/2007. Cháu Tr đã trên 18 tuổi, có việc làm ổn định, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T bà xin trực tiếp nuôi dưỡng vì từ khi ông bà sống ly, cháu T được bà trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Bà với ông N.N.H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Bà với ông N.N.H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và văn bản tố tụng khác bị đơn ông N.N.H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận về thời gian, đia điểm đăng ký kết hôn với bà C.T.H.L là đúng. Ông kết hôn với bà L là hoàn T tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn. Ông thừa nhận hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. CHện tình cảm vợ chồng giữa ông và bà L là trầm trọng, không hàn gắn được. Nay bà L yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông N.N.H cũng xác nhận có 02 con chung với bà L, gồm cháu Nguyễn Thảo Tr, sinh ngày 05/01/2001 và Nguyễn Thiện T, sinh ngày 14/01/2007. Cháu Tr đã trên 18 tuổi, có việc làm ổn định, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T ông đồng ý để bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Ông với bà C.T.H.L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Ông với bà C.T.H.L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

[1] Nguyên đơn bà C.T.H.L tiếp tục khẳng định tình cảm vợ chồng với ông H không còn; mâu thuẫn là trầm trọng; cuộc sống chung không có hạnh phúc; không thể quay về đoàn tụ được. Vì vậy, bà tiếp tục yêu cầu Tòa án chấp nhận cho ly hôn ông N.N.H; các yêu cầu khác bà không thay đổi.

[2] Bị đơn ông N.N.H vắng mặt: Tòa án đã công bố lời trình bày của ông H thể hiện trong hồ sơ vụ án. Sau khi nghe công bố, bà L vẫn giữ nguyên quan điểm là yêu cầu được ly hôn ông H.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H.M thụ lý Đơn ly hôn của bà C.T.H.L đối với ông N.N.H là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thứ ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của các đương sự, phân tích cơ sở pháp luật. Đại diện Viện kiểm

sát xác định mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà L vẫn cương quyết đòi ly hôn với ông H. Mặt khác, ông H cũng đồng ý ly hôn bằng văn bản. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, xử cho bà L được ly hôn ông H. Việc nuôi con chung: Cháu Tr đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên không xét. Còn cháu T giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của cháu và quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nhà đất ở chung: không xét vì ông bà không yêu cầu; về khoản nợ chung: không xem xét vì ông bà cùng khẳng định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà C.T.H.L có Đơn ly hôn đối với ông N.N.H, cùng cư trú tại: số 24, ngõ 420/52, đường K.G, phường Đại Kim, quận H.M, Thành phố Hà Nội. Do vây, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H.M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, nhưng trước đó đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C.T.H.L và ông N.N.H, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Đại Kim, quận H.M, Thành phố Hà Nội vào ngày 28 tháng 6 năm 2000. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông bà không hợp nhau về tính cách; bất đồng quan điểm sống; có sự xúc phạm nhau; ông H thường xuyên vắng nhà nhưng không nói lý do với vợ con... Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bản thân ông bà đều thừa nhận đã sống ly thân nhiều năm, không thể hàn gắn đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà L cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho bà L ly hôn ông H.

Về con chung: Bà C.T.H.L và ông N.N.H cùng xác nhận xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thảo Tr, sinh ngày 05/01/2001 (nữ) và Nguyễn Thiện T, sinh ngày 14/01/2007. Cháu Tr đã 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên Tòa không xét. Còn cháu T, ông bà đều thể hiện ý chí giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Nội dung này phù hợp với ý kiến của cháu T, nên cần được chấp nhận; việc cấp dưỡng bà L không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông H.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Bà C.T.H.L và ông N.N.H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

Về khoản nợ chung: Bà C.T.H.L và ông N.N.H cùng xác định không có, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn bà C.T.H.L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông N.N.H không phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.T.H.L. Bà C.T.H.L được ly hôn ông N.N.H.

2. Về nuôi con chung: Xác nhận bà C.T.H.L và ông N.N.H có 02 con chung là Nguyễn Thảo Tr, sinh ngày 05/01/2001 (nữ) và Nguyễn Thiện T, sinh ngày 14/01/2007. Con chung Nguyễn Thảo Tr đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ hành vi dân sự, Tòa không xét; giao con chung Nguyễn Thiện T cho bà C.T.H.L trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà C.T.H.L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông N.N.H cho đến khi có yêu cầu.

3. Về chia tải sản chung, nhà đất ở chung: Bà C.T.H.L và ông N.N.H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

4. Về khoản nợ chung: Bà C.T.H.L và ông N.N.H cùng xác nhận không có. Tòa không xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà C.T.H.L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0000036 ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H.M, Thành phố Hà Nội. Bà C.T.H.L đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà C.T.H.L được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông N.N.H được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND quận H.M;
- Chi cục THA dân sự quận H.M;
- UBND phường Đại Kim, quận H.M, TP. Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 32, quyển 01/2000);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Chiều